

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

Số: 34.../2016../MKV

V/v công bố thông tin

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Báo cáo tài chính soát xét năm 2015



Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy
2. Mã chứng khoán: MKV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
4. Điện thoại: 84-73-3710769 Fax: 84-73-3826363
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng ban kiểm soát.

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập ngày 20 tháng 03 năm 2016 gồm: BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình:

Doanh thu thuần tăng 26,30% so với cùng kỳ năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế đạt dương 1.042.069.818 đồng so với cùng kỳ năm 2014 là dương 2.436.861.041 đồng, giảm 1.394.791.223 đồng (57,24%). Lợi nhuận giảm do chi phí tăng.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.mekovet.com.vn](http://www.mekovet.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

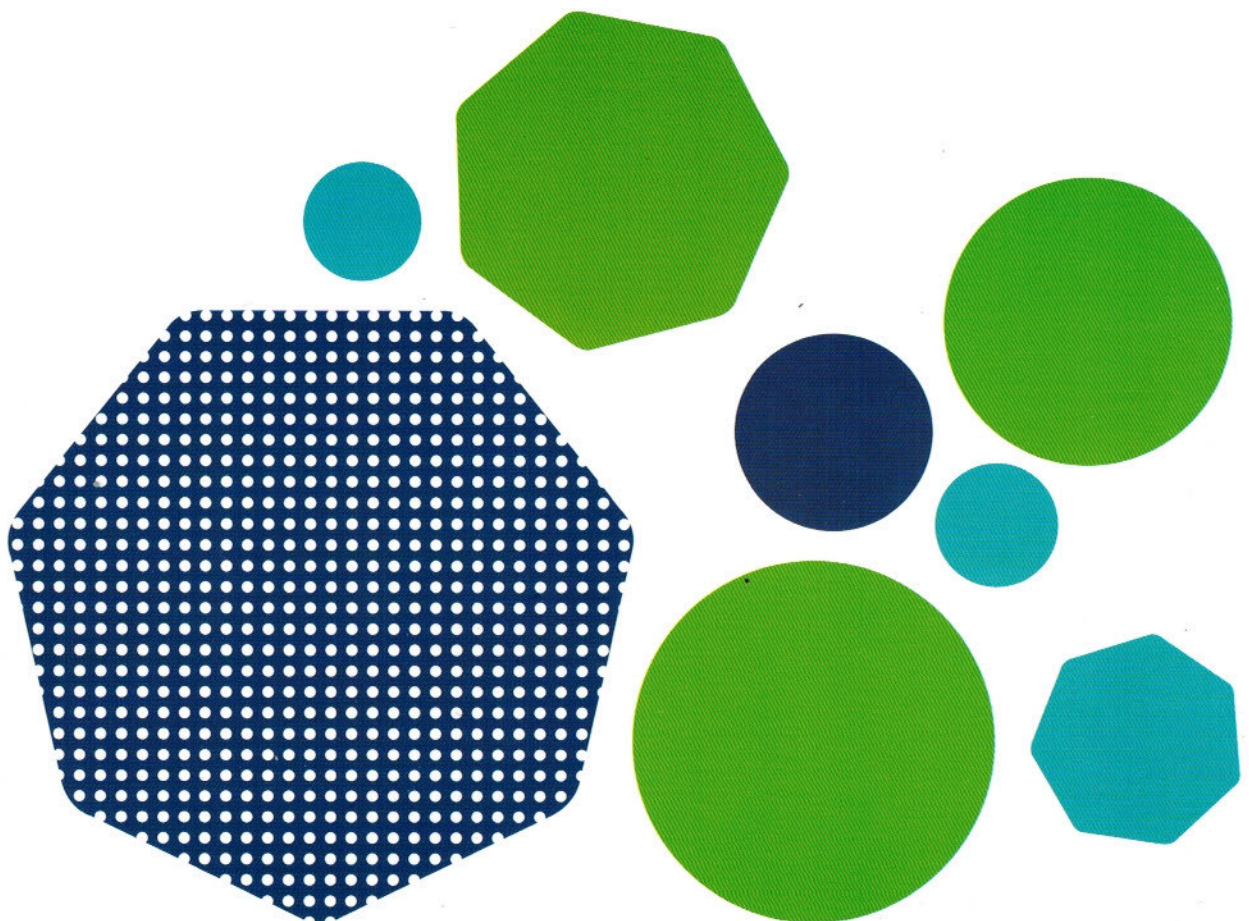
Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu HCNS.

Nguyễn Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông David John Whitehead	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thành Nam	Thành viên
Ông Vũ Tiến Đạt	Thành viên
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Tiến Đạt	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

#### **Kế toán trưởng**

Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Tiên Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/03/2016, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy tại ngày 31/12/2015 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2277-2014-112-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**  
*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.084.422.469</b>	<b>32.659.032.526</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.035.593.905	1.991.942.248
Tiền	111		1.035.593.905	1.991.942.248
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.147.690.367</b>	<b>17.795.829.585</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	12.522.557.068	14.483.836.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.822.576.175	713.151.037
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	4.802.557.124	2.581.204.154
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(12.202.827)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	29.840.957
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.816.849.106</b>	<b>12.598.412.811</b>
Hàng tồn kho	141	7	9.816.849.106	12.598.412.811
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.289.091</b>	<b>272.847.882</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	84.289.091	99.573.510
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	173.274.372
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.309.240.317</b>	<b>45.388.903.270</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.105.453.200</b>	<b>990.494.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	6	1.105.453.200	990.494.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.254.868.742</b>	<b>41.568.403.426</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	34.242.908.301	32.726.878.561
- Nguyên giá	222		43.773.958.546	40.497.048.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.531.050.245)	(7.770.169.987)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	6.436.442.564	7.239.690.320
- Nguyên giá	225		8.032.477.610	8.032.477.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.596.035.046)	(792.787.290)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.575.517.877	1.601.834.545
- Nguyên giá	228		1.656.017.875	1.656.017.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.499.998)	(54.183.330)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>627.758.536</b>	<b>2.091.014.067</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	627.758.536	2.091.014.067
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>321.159.839</b>	<b>738.991.777</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	321.159.839	726.995.737
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	11.996.040
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>78.393.662.786</b>	<b>78.047.935.796</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>50.323.885.621</b>	<b>51.020.228.449</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.264.106.301</b>	<b>25.885.684.347</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.721.883.419	7.541.405.236
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		707.691.788	1.538.497.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	275.215.243	763.607.327
Phải trả người lao động	314		1.604.306.976	1.130.857.733
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.000.114.073	427.043.652
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	34.211.396	244.055.900
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	20.957.914.487	14.277.447.927
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(37.231.081)	(37.231.081)
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.059.779.320</b>	<b>25.134.544.102</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	15.059.779.320	25.114.544.102
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	20.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.069.777.165</b>	<b>27.027.707.347</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>28.069.777.165</b>	<b>27.027.707.347</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.891.630.000	26.891.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.891.630.000	26.891.630.000
Cổ phiếu quỹ	415		(380.000)	(380.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		69.863.124	69.863.124
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.108.664.041	66.594.223
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		66.594.223	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.042.069.818	66.594.223
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>78.393.662.786</b>	<b>78.047.935.796</b>



Vũ Tiến Đạt  
 Tổng Giám đốc  
 Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Phan Nguyễn Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	97.712.855.586	80.164.253.936
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	20.430.091.474	18.975.798.973
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.282.764.112	61.188.454.963
Giá vốn hàng bán	11	21	52.744.656.980	38.981.002.981
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.538.107.132	22.207.451.982
Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.815.498	9.491.052
Chi phí tài chính	22	22	5.808.628.983	5.722.042.639
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.595.593.459	4.295.678.736
Chi phí bán hàng	25	23	12.199.593.966	10.006.152.995
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.010.793.660	3.567.044.972
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		529.906.021	2.921.702.428
Thu nhập khác	31	24	1.036.098.005	66.384.197
Chi phí khác	32	25	102.525.441	52.630.800
Lợi nhuận khác	40		933.572.564	13.753.397
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.463.478.585	2.935.455.825
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	421.408.767	498.594.784
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.042.069.818	2.436.861.041
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	388	906



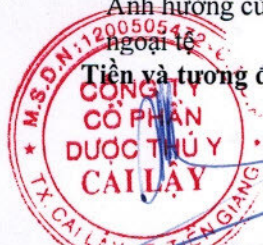
Vũ Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Phan Nguyễn Thanh Huyền  
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.463.478.585</b>	<b>2.935.455.825</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.954.837.151	3.887.431.436
Các khoản dự phòng	03		(12.202.827)	-
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.805)	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(795.008.679)	(9.491.052)
Chi phí lãi vay	06		3.595.593.459	4.295.678.736
Các điều chỉnh khác	07		11.996.040	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>8.218.681.924</b>	<b>11.109.074.945</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09		(6.681.342.783)	(3.811.840.146)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		2.082.589.490	(3.178.709.683)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.163.311.299	(1.221.983.965)
Giảm chi phí trả trước	12		421.120.317	491.750.553
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.614.095.544)	(4.122.836.874)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(760.205.157)	(308.317.222)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		523.651.857	2.889.601.171
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.651.709.560)	(1.256.627.135)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.702.001.843</b>	<b>590.111.644</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.178.046.936)	(3.498.287.688)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.483.179.474	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.803.420	9.491.052
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.684.064.042)</b>	<b>(3.488.796.636)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		41.333.269.817	54.988.597.674
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.086.483.392)	(51.007.338.331)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.221.084.374)	(1.043.218.577)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.974.297.949)</b>	<b>2.938.040.766</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(956.360.148)</b>	<b>39.355.774</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>1.991.942.248</b>	<b>1.952.586.474</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.805	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>1.035.593.905</b>	<b>1.991.942.248</b>



**Vũ Tiên Đạt**  
 Tổng Giám đốc  
 Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

**Phan Nguyễn Thanh Huyền**  
 Kế toán trưởng

**Đoàn Thị Cẩm Nhung**  
 Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy, (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và Giấy phép thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 02/08/2014 là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Tháng 11/2008, Công ty đã chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là MKV.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 137 nhân viên (tại ngày 31/12/2014 là 117 nhân viên).

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y; Sản xuất Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Chi tiết: Đánh bắt thủy sản, hải sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng nông sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh thuốc thú y; Kinh doanh Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Kinh doanh nguyên vật liệu, bán thành phẩm, hóa chất, Vacxin phục vụ ngành chăn nuôi thú y và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phân bón.
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, hải sản;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh hàng nông sản, lâm sản; Kinh doanh giống cây trồng;
- Chăn nuôi gia cầm. Chi tiết: Sản xuất con giống gia súc, gia cầm, thủy sản; Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng lúa;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chăn nuôi lợn;
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản;
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh chất xử lý môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, các sản phẩm thuốc thú y được sản xuất trong tháng và tính giá thành vào cuối tháng. Sản phẩm sản xuất được trong tháng sẽ được chuyển xuống cho các đại lý bán theo đơn đặt hàng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

#### **3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 31
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06

##### 3.6 TÀI SẢN VÔ HÌNH

###### *Quyền sử dụng đất*

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, nguyên giá của giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 1308 ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với diện tích đất là: 2048,6 m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất của Công ty không thời hạn nên không tính khấu hao.

###### *Phần mềm máy tính*

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

##### 3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

**3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	136.409.579	897.380.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	899.184.326	1.094.561.528
	<b>1.035.593.905</b>	<b>1.991.942.248</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.522.557.068</b>	-	<b>14.483.836.264</b>	<b>(12.202.827)</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình An	3.758.245.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	486.200.868	-	2.824.365.669	-
- Phải thu các khách hàng khác	8.278.111.200	-	11.659.470.595	(12.202.827)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>12.522.557.068</b>	-	<b>14.483.836.264</b>	<b>(12.202.827)</b>

**Phải thu khác là các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam

**6. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.802.557.124</b>	-	<b>2.581.204.154</b>	-
- Tạm ứng	3.973.830.112	-	1.628.552.288	-
- Phải thu Đại lý miền Bắc	323.607.084	-	345.451.330	-
- Thuế giá trị gia tăng TSCĐ thuê tài chính	406.444.799	-	515.440.079	-
- Bảo hiểm xã hội	14.426.808	-	5.737.953	-
- Phải thu khác	84.248.321	-	86.022.504	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.105.453.200</b>	-	<b>990.494.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	1.105.453.200	-	990.494.000	-
	<b>5.908.010.324</b>	-	<b>3.571.698.154</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.706.874.875	-	7.415.141.747	-
Thành phẩm	3.091.540.683	-	2.764.810.108	-
Hàng hóa	18.433.548	-	1.495.058.070	-
Hàng gửi bán	-	-	923.402.886	-
	<b>9.816.849.106</b>	<b>-</b>	<b>12.598.412.811</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>84.289.091</b>	<b>99.573.510</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	84.289.091	99.573.510
<b>Dài hạn</b>	<b>321.159.839</b>	<b>726.995.737</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	228.174.064	726.995.737
- Chi phí mua bảo hiểm	18.248.275	-
- Các khoản khác	74.737.500	-
	<b>405.448.930</b>	<b>826.569.247</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>01/01/2015</b>	15.882.036.896	22.601.088.875	2.013.922.777	40.497.048.548
- Mua trong năm	-	-	738.970.364	738.970.364
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.902.332.103	-	-	3.902.332.103
- Thanh lý, nhượng bán	(719.701.207)	-	(644.691.262)	(1.364.392.469)
<b>31/12/2015</b>	<b>19.064.667.792</b>	<b>22.601.088.875</b>	<b>2.108.201.879</b>	<b>43.773.958.546</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>01/01/2015</b>	(2.330.489.855)	(3.712.638.850)	(1.727.041.282)	(7.770.169.987)
- Khấu hao trong năm	(763.611.329)	(2.128.868.516)	(232.792.882)	(3.125.272.727)
- Thanh lý, nhượng bán	719.701.207	-	644.691.262	1.364.392.469
<b>31/12/2015</b>	<b>(2.374.399.977)</b>	<b>(5.841.507.366)</b>	<b>(1.315.142.902)</b>	<b>(9.531.050.245)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>01/01/2015</b>	13.551.547.041	18.888.450.025	286.881.495	32.726.878.561
<b>31/12/2015</b>	<b>16.690.267.815</b>	<b>16.759.581.509</b>	<b>793.058.977</b>	<b>34.242.908.301</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015: 3.300.372.686 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2015: 29.896.282.335 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2015	8.032.477.610	8.032.477.610
31/12/2015	<u>8.032.477.610</u>	<u>8.032.477.610</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2015	(792.787.290)	(792.787.290)
- Khấu hao trong năm	(803.247.756)	(803.247.756)
31/12/2015	<u>(1.596.035.046)</u>	<u>(1.596.035.046)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2015	<u>7.239.690.320</u>	<u>7.239.690.320</u>
31/12/2015	<u>6.436.442.564</u>	<u>6.436.442.564</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2015	1.540.017.875	116.000.000	1.656.017.875
- Tăng khác (*)	698.974.215	-	698.974.215
- Thanh lý, nhượng bán	(698.974.215)	-	(698.974.215)
31/12/2015	<u>1.540.017.875</u>	<u>116.000.000</u>	<u>1.656.017.875</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2015	-	(54.183.330)	(54.183.330)
- Khấu hao trong năm	-	(26.316.668)	(26.316.668)
31/12/2015	<u>-</u>	<u>(80.499.998)</u>	<u>(80.499.998)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2015	<u>1.540.017.875</u>	<u>61.816.670</u>	<u>1.601.834.545</u>
31/12/2015	<u>1.540.017.875</u>	<u>35.500.002</u>	<u>1.575.517.877</u>

(\*) Quyền sử dụng đất chuyển từ hàng hóa bất động sản sang tài sản cố định vô hình.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại 31/12/2015 là Công trình nhà máy sản xuất thuốc thú y Cai Lậy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.721.883.419</b>	<b>10.721.883.419</b>	<b>7.541.405.236</b>	<b>7.541.405.236</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Navy	2.209.050.256	2.209.050.256	1.026.619.987	1.026.619.987
- Công ty TNHH Ruby	828.400.069	828.400.069	1.671.728.238	1.671.728.238
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	1.172.674.334	1.172.674.334	594.054.118	594.054.118
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	3.734.000.000	3.734.000.000	-	-
- Phải trả người bán khác	2.777.758.760	2.777.758.760	4.249.002.893	4.249.002.893
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.875.469.630</b>	<b>3.875.469.630</b>	<b>124.671.574</b>	<b>124.671.574</b>
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	3.734.000.000	3.734.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Austfeed Bình Định	141.469.630	141.469.630	124.671.574	124.671.574
	<b>10.721.883.419</b>	<b>10.721.883.419</b>	<b>7.541.405.236</b>	<b>7.541.405.236</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	-	3.154.085.466	3.043.660.412	110.425.054
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	469.113.812	409.412.727	760.205.157	118.321.382
- Thuế thu nhập cá nhân	294.493.515	293.701.474	541.726.182	46.468.807
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.900.083	39.900.083	-
- Các loại thuế khác	-	2.500.000	2.500.000	-
	<b>763.607.327</b>	<b>3.899.599.750</b>	<b>4.387.991.834</b>	<b>275.215.243</b>

(\*) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khấu trừ trong năm số tiền: 2.641.662.103 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.000.114.073</b>	<b>427.043.652</b>
Chi phí bán hàng năm 2014	-	221.000.000
Chi phí bán hàng năm 2015	324.594.073	-
Chi phí lãi vay	-	206.043.652
Chi phí trợ cấp nghỉ việc năm 2015	675.520.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>1.000.114.073</b>	<b>427.043.652</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.211.396</b>	<b>244.055.900</b>
Kinh phí công đoàn	33.065.755	46.990.186
Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.914.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.145.641	189.151.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>34.211.396</b>	<b>244.055.900</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>20.957.914.487</b>	<b>20.957.914.487</b>	<b>51.363.034.599</b>	<b>44.682.568.039</b>	<b>14.277.447.927</b>	<b>14.277.447.927</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>14.890.595.494</i>	<i>14.890.595.494</i>	<i>40.833.269.817</i>	<i>39.161.483.665</i>	<i>13.218.809.342</i>	<i>13.218.809.342</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	14.890.595.494	14.890.595.494	40.833.269.817	37.761.483.665	11.818.809.342	11.818.809.342
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>4.700.000.000</i>	<i>4.700.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>4.300.000.000</i>	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	100.000.000	100.000.000	100.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	4.600.000.000	4.600.000.000	8.900.000.000	4.300.000.000	-	-
<i>Nợ thuế tài chính (4)</i>	<i>1.367.318.993</i>	<i>1.367.318.993</i>	<i>1.529.764.782</i>	<i>1.221.084.374</i>	<i>1.058.638.585</i>	<i>1.058.638.585</i>
- Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.367.318.993	1.367.318.993	1.529.764.782	1.221.084.374	1.058.638.585	1.058.638.585
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>15.059.779.320</b>	<b>15.059.779.320</b>	<b>500.000.000</b>	<b>10.554.764.782</b>	<b>25.114.544.102</b>	<b>25.114.544.102</b>
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	<i>11.875.000.000</i>	<i>11.875.000.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>9.025.000.000</i>	<i>20.400.000.000</i>	<i>20.400.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	375.000.000	375.000.000	500.000.000	125.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	11.500.000.000	11.500.000.000	-	8.900.000.000	20.400.000.000	20.400.000.000
<i>Nợ thuế tài chính (4)</i>	<i>3.184.779.320</i>	<i>3.184.779.320</i>	-	<i>1.529.764.782</i>	<i>4.714.544.102</i>	<i>4.714.544.102</i>
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	3.184.779.320	3.184.779.320	-	1.529.764.782	4.714.544.102	4.714.544.102
<b>Vay và nợ với bên liên quan</b>	<b>36.017.693.807</b>	<b>36.017.693.807</b>	<b>51.863.034.599</b>	<b>55.237.332.821</b>	<b>39.391.992.029</b>	<b>39.391.992.029</b>
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các khoản nợ thuế tài chính**

**Thời hạn**

	Năm 2015		Năm 2014	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
	3.184.779.320	468.485.666	4.714.544.102	335.178.785
	<b>3.184.779.320</b>	<b>468.485.666</b>	<b>4.714.544.102</b>	<b>335.178.785</b>
Trên 1 đến 5 năm				555.623.189
				<b>555.623.189</b>

- (1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức số 01/CV-0086/SME/14NH ngày 23/05/2014, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, đến ngày 16/12/2014 Công ty nâng hạn mức tín dụng theo phụ lục số 02 lên 15.000.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán trong nước cho các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc mua ngoại tệ để thanh toán tiền nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
  - Tài sản đảm bảo: tài sản công trình gắn liền với đất giao (bao gồm trang thiết bị gắn liền với công trình) tại địa chỉ Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trị giá 40,8 tỷ đồng.
- (2) Theo Hợp đồng tín dụng số 0122/SME/15CD ngày 30/08/2015 với số tiền vay: 500.000.000 đồng, mục đích: thanh toán tiền mua xe, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo: ô tô Toyota Innova BKS 63A-037.47.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0055/SME/14CD ngày 23/05/2014, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất cho vay 11,3%/năm, đây là khoản cho vay theo sản phẩm tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo Công văn số 3045/VCB-CSTD. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công trình gắn liền với đất giao hình thành trong tương lai (bao gồm trang thiết bị gắn liền với công trình) tại địa chỉ Khu phố 1, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
- (4) Khoản nợ thuế tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00037-000 ngày 07/06/2013 về việc thuê máy móc thiết bị trong thời gian 5 năm, hợp đồng mua bán số 04-VILC-CL ngày 28/06/2013, thông báo mua số 2013-00037-003.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2014</b>	26.891.630.000	(380.000)	69.863.124	(2.370.266.818)	24.590.846.306
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.436.861.041	2.436.861.041
<b>31/12/2014</b>	<u>26.891.630.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>66.594.223</u>	<u>27.027.707.347</u>
<b>01/01/2015</b>	26.891.630.000	(380.000)	69.863.124	66.594.223	27.027.707.347
- Lãi trong năm nay	-	-	-	1.042.069.818	1.042.069.818
<b>31/12/2015</b>	<u>26.891.630.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>1.108.664.041</u>	<u>28.069.777.165</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	15.378.590.000	15.378.590.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	3.680.320.000	3.680.320.000
Các cổ đông khác	7.832.720.000	7.832.720.000
	<b>26.891.630.000</b>	<b>26.891.630.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>26.891.630.000</b>	<b>26.891.630.000</b>
Vốn góp đầu năm	26.891.630.000	26.891.630.000
Vốn góp cuối năm	26.891.630.000	26.891.630.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18.4 CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.689.163	2.689.163
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(38)	(38)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.689.125	2.689.125
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**18.4 CÁC QUỸ**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	69.863.124	69.863.124

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	97.712.855.586	80.164.253.936
	<b>97.712.855.586</b>	<b>80.164.253.936</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	7.780.386.449	2.930.074.336

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại	14.944.276.793	13.483.805.451
Hàng bán bị trả lại	5.485.814.681	5.491.993.522
	<b>20.430.091.474</b>	<b>18.975.798.973</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	52.744.656.980	38.981.002.981
	<b>52.744.656.980</b>	<b>38.981.002.981</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	3.595.593.459	4.295.678.736
Chi phí lãi vay đã được vốn hóa ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2013 (từ tháng 06 đến Tháng 10 năm 2013)	-	(882.540.870)
Chiết khấu thanh toán	2.213.035.524	2.308.904.773
	<b>5.808.628.983</b>	<b>5.722.042.639</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.010.793.660</b>	<b>3.567.044.972</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.685.410.677	1.746.340.690
Chi phí đồ dùng văn phòng	660.429.564	205.338.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	396.302.594	266.391.480
Thuế phí, lệ phí	37.602.184	332.185.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.288.465.730	252.585.886
Chi phí quản lý khác	942.582.911	764.202.469
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>12.199.593.966</b>	<b>10.006.152.995</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	6.117.956.693	4.173.149.708
Chi phí công cụ, đồ dùng	1.244.833.824	2.651.162.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.224.161.396	125.741.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.678.402.045	1.238.658.756
Chi phí bán hàng khác	1.934.240.008	1.817.440.691
	<b>18.210.387.626</b>	<b>13.573.197.967</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	20.454.545	40.909.090
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	784.205.259	-
Thu nhập khác	231.438.201	25.475.107
	<b>1.036.098.005</b>	<b>66.384.197</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi nộp phạt, bồi thường	58.665.500	-
Các khoản chi phí khác	43.859.941	52.630.800
	<b>102.525.441</b>	<b>52.630.800</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.463.478.585</b>	<b>2.935.455.825</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>397.488.358</b>	<b>330.884.100</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	69.349.293	32.007.493
- Chi phí lương	63.927.615	-
- Chi phí lãi vay ước tính tương đương với phần góp vốn thiếu	264.211.450	279.753.300
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	-	19.123.307
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(1.000.000.000)</b>
- Hoàn nhập chi phí phải trả năm 2013 đã nộp thuế	-	(1.000.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>1.860.966.943</b>	<b>2.266.339.925</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>409.412.727</b>	<b>498.594.784</b>
Thuế TNDN bổ sung năm 2014	11.996.040	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>421.408.767</b>	<b>498.594.784</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.042.069.818	2.436.861.041
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.689.125	2.689.125
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>388</b>	<b>906</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	25.810.335.830	30.538.852.002
Chi phí nhân công	13.961.283.258	10.236.594.701
Khấu hao tài sản cố định	5.420.234.858	3.887.431.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.079.756.562	1.606.240.518
Chi phí bằng tiền khác	5.296.392.612	6.267.268.654
	<b>53.568.003.120</b>	<b>52.536.387.311</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.25.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.035.593.905	1.991.942.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.938.154.474	15.905.804.098
<b>Cộng</b>	<b>14.973.748.379</b>	<b>17.897.746.346</b>
	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	36.017.693.807	39.391.992.029
Phải trả người bán và phải trả khác	10.721.883.419	7.730.556.236
Chi phí phải trả	1.000.114.073	427.043.652
<b>Cộng</b>	<b>47.739.691.299</b>	<b>47.549.591.917</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(32.765.942.920)</b>	<b>(29.651.845.571)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Rủi ro thị trường*

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2015</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	20.957.914.487	15.059.779.320	36.017.693.807
Phải trả người bán và phải trả khác	10.721.883.419	-	10.721.883.419
Chi phí phải trả	1.000.114.073	-	1.000.114.073
<b>Cộng</b>	<b>32.679.911.979</b>	<b>15.059.779.320</b>	<b>47.739.691.299</b>
<b>01/01/2015</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	14.277.447.927	25.114.544.102	39.391.992.029
Phải trả người bán và phải trả khác	7.730.556.236	-	7.730.556.236
Chi phí phải trả	427.043.652	-	427.043.652
<b>Cộng</b>	<b>22.435.047.815</b>	<b>25.114.544.102</b>	<b>47.549.591.917</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.035.593.905	-	1.035.593.905
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.832.701.274	1.105.453.200	13.938.154.474
<b>Cộng</b>	<b>13.868.295.179</b>	<b>1.105.453.200</b>	<b>14.973.748.379</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.991.942.248	-	1.991.942.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.915.310.098	990.494.000	15.905.804.098
<b>Cộng</b>	<b>16.907.252.346</b>	<b>990.494.000</b>	<b>17.897.746.346</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của ban Giám đốc**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	869.698.096	792.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	316.000.000	192.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	553.698.096	600.000.000

**30.5 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ sản xuất và theo dõi một bộ phận sản xuất duy nhất là bộ phận sản xuất thuốc thú y trên 1 lãnh thổ địa lý duy nhất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Tại ngày 01/01/2015, Công ty đã phân loại và trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số phân loại lại tại 01/01/2015	Số trên Báo cáo kiểm toán 31/12/2014	Đơn vị tính: VND
			Số phân loại Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>TÀI SẢN</b>			-
Phải thu ngắn hạn khác	2.581.204.154	952.651.866	1.628.552.288
Tài sản thiếu chờ xử lý	29.840.957	-	29.840.957
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.658.393.245	(1.658.393.245)
Phải thu dài hạn khác	990.494.000	-	990.494.000
Tài sản dài hạn khác	-	990.494.000	(990.494.000)

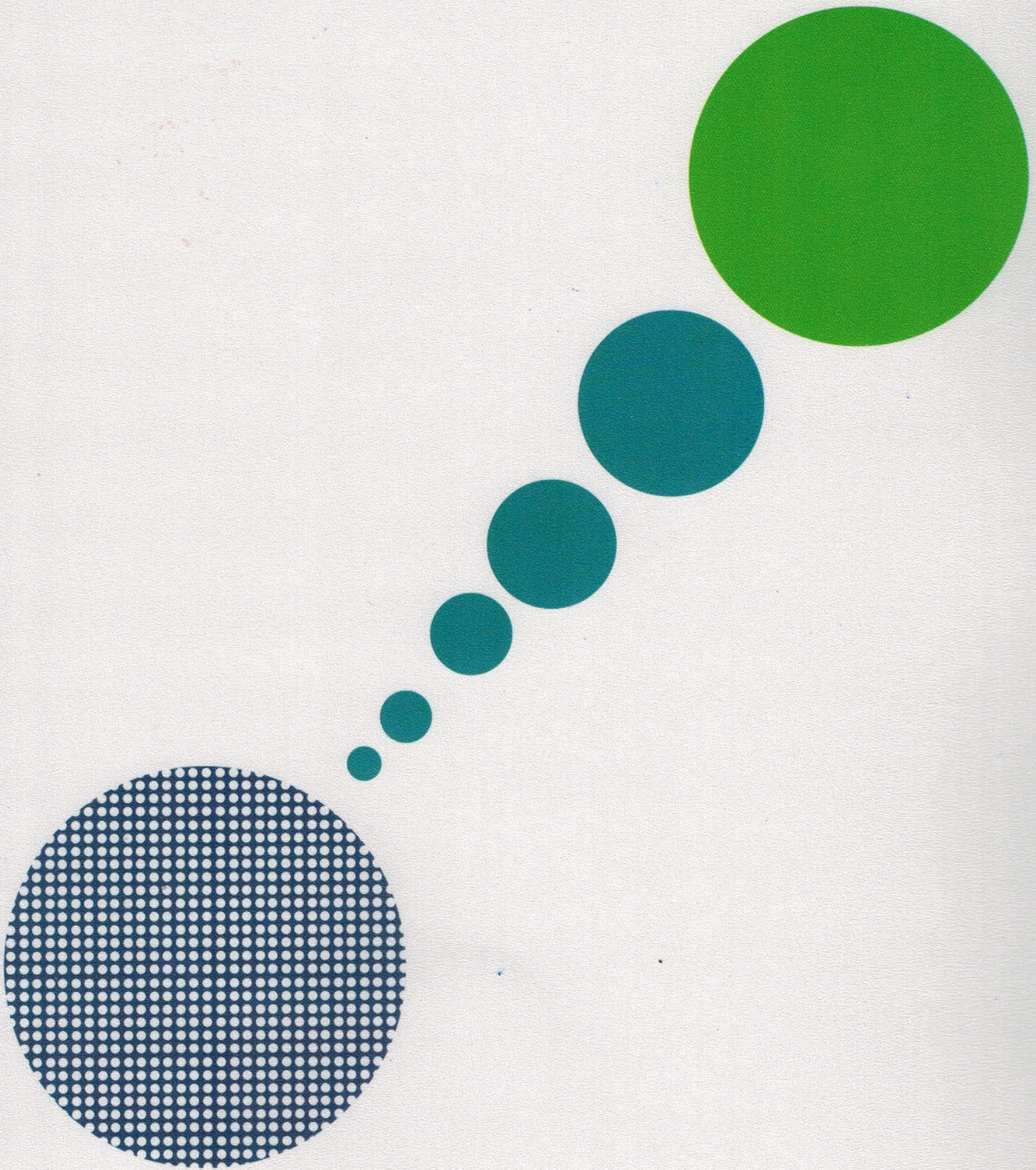


**Vũ Tiến Đạt**  
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2016

**Phan Nguyễn Thanh Huyền**  
Kế toán trưởng

**Đoàn Thị Cẩm Nhung**  
Người lập



**UHY** ACA Ltd

© UHY ACA Auditing & Consulting Co., Ltd

[www.uhyaca.vn](http://www.uhyaca.vn)